

Bản án số: **132/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 16-9-2021
V/v “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Thành;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1990; *vắng mặt.*
2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn L, sinh năm 1983; *vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Y, thị trấn H, huyện Q, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2020, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn L tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 02/01/2014. Sau khi kết hôn, anh L không lo làm ăn mà nhiều lần làm khổ vợ con, chơi bài bạc, la cà quán xá và đập phá nhà cửa. Chị đã nhiều lần bỏ qua để cùng anh xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy các con trưởng thành nhưng

anh vẫn không thay đổi. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 17/6/2015 và Lê Nguyễn Gia K, sinh ngày 19/12/2019. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu H, K và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Lê Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị C về thời gian và điều kiện kết hôn. Anh thừa nhận trước đây do anh chơi bài bạc nên giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; nhưng hiện nay anh đã bỏ, không chơi nữa. Nay chị C yêu cầu giải quyết ly hôn, anh xin đoàn tụ gia đình, trường hợp chị C cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị C có 02 con chung như chị C đã trình bày. Trường hợp phải ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Gia H và giao cháu Lê Nguyễn Gia K cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con của chị Nguyễn Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - anh Lê Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản

2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị C có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Lê Văn L. Chị C và anh L hiện đang cư trú tại tổ dân phố Y, thị trấn H, huyện Q, tỉnh N. Nay, chị C khởi kiện xin ly hôn với anh L và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh L tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 02 tháng 01 năm 2014. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị C là do anh L nhiều lần chơi bài bạc, la cà quán xá, đập phá nhà cửa và không quan tâm đến gia đình vợ con. Anh L thừa nhận do anh chơi bài bạc nên giữa vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nhưng hiện nay anh đã bỏ và mong muốn Tòa án giải quyết cho đoàn tụ; trường hợp chị C cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo hòa giải nhiều lần nhưng anh L đều vắng mặt, thể hiện anh L không có thiện chí trong việc hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Tại các phiên tòa, anh L tiếp tục vắng mặt không có lý do trong khi chị C có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn cương quyết xin ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị C và anh L có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 17/6/2015 và Lê Nguyễn Gia K, sinh ngày 19/12/2019. Khi ly hôn, chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu H, K còn anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và giao cháu K cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh L cố tình vắng mặt và tại các phiên tòa anh L đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử không xem xét giao cháu H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, các cháu H, K còn nhỏ nên rất cần người mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng để tốt hơn cho sự phát triển toàn diện của các cháu. Ngoài ra, tại biên bản xác minh ngày 02/7/2021 và ngày 04/8/2021, tổ trưởng Tổ dân phố Y và Công an thị trấn H (nơi chị C, anh L đang cư trú) đều cung cấp chị C có mở quầy kinh doanh thuốc tây tên “Gia H” tại địa phương nên chị C có công việc ổn định tạo ra thu nhập để nuôi các con. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận giao các cháu H, K cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con, chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét; anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7]. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao các cháu Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 17/6/2015, Lê Nguyễn Gia K, sinh ngày 19/12/2019 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Lê Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Nguyễn Thị C phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003895 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh N.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh N;
 - VKSND huyện Q;
 - Chi cục THADS huyện Q;
 - Chi cục THADS huyện Đ;
 - UBND xã C, huyện Đ
- (Giấy CNKH số 01 ngày 02/01/2014);
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phụng